

KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH - NĂM 2009
HỆ ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG - HỆ CHÍNH QUY

Ngành 202 - Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử

Trang 1

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐTC0	ĐTC	TT
1	SKN.L 0007	Văn Tuấn	Anh	22/01/87		Huyện Bình Lục - Tỉnh Hà Nam		3	2020375	202	8.25	7.50	15.75	16.00	TT
2	SKN.L 0019	Vũ Văn	Bảo	27/12/86		Huyện Mỹ Lộc - Tỉnh Nam Định		3	2020218	202	7.00	7.00	14.00	14.00	TT
3	SKN.L 0042	Trần Đình	Chiến	24/10/85		Huyện Mỹ Lộc - Tỉnh Nam Định		3	2020561	202	7.25	3.50	10.75	11.00	TT
4	SKN.L 0053	Trương Văn	Công	05/03/86		Huyện Lý Nhân - Tỉnh Hà Nam		3	2020554	202	9.00	7.75	16.75	17.00	TT
5	SKN.L 0063	Đình Ngọc	Cường	07/04/87		Huyện Nho Quan - Tỉnh Ninh Bình	06	3	2020237	202	7.75	8.25	16.00	16.00	TT
6	SKN.L 0064	Lê Thị	Cường	08/12/84	Nữ	Huyện Vũ Thư - Tỉnh Thái Bình		3	2020226	202	9.50	7.75	17.25	17.50	TT
7	SKN.L 0071	Phạm Việt	Cường	08/09/86		Huyện Nam Trực - Tỉnh Nam Định		3	2020234	202	7.25	3.50	10.75	11.00	TT
8	SKN.L 0085	Nguyễn Thị	Dung	20/11/86	Nữ	Huyện Yên Khánh - Tỉnh Ninh Bình		3	2020225	202	5.25	6.50	11.75	12.00	TT
9	SKN.L 0096	Phạm Đình	Dũng	10/01/87		Huyện Trực Ninh - Tỉnh Nam Định		3	2020552	202	3.50	5.00	8.50	8.50	
10	SKN.L 0104	Đình Mạnh	Dũng	11/03/87		Huyện Yên Khánh - Tỉnh Ninh Bình		3	2020550	202	7.50	6.00	13.50	13.50	TT
11	SKN.L 0113	Nguyễn Thế	Dưỡng	21/11/85		Huyện Yên Khánh - Tỉnh Ninh Bình	06	3	2020222	202	8.75	4.50	13.25	13.50	TT
12	SKN.L 0121	Đình Hữu	Đạt	22/09/84		Huyện Hà Trung - Tỉnh Thanh Hóa		3	2020544	202	5.25	2.50	7.75	8.00	
13	SKN.L 0140	Nguyễn Văn	Đức	29/07/87		Huyện Bình Lục - Tỉnh Hà Nam		3	2020539	202	6.25	8.25	14.50	14.50	TT
14	SKN.L 0142	Đào Cảnh	Đức	17/08/85		Huyện Đông Hưng - Tỉnh Thái Bình		3	2020215	202	6.75	7.25	14.00	14.00	TT
15	SKN.L 0154	Tống Văn	Giảng	14/10/85		Huyện Nghĩa Hưng - Tỉnh Nam Định		3	2020240	202	6.00	8.00	14.00	14.00	TT
16	SKN.L 0156	Bùi Đức	Hà	13/12/88		TP. Nam Định - Tỉnh Nam Định		3	2020383	202	4.00	7.50	11.50	11.50	TT
17	SKN.L 0167	Trần Duy	Hải	25/10/85		Huyện Mỹ Lộc - Tỉnh Nam Định		3	2020536	202	2.75	6.50	9.25	9.50	
18	SKN.L 0185	Trần Ngọc	Hân	31/07/87		Huyện Mỹ Lộc - Tỉnh Nam Định		3	2020217	202	7.00	6.25	13.25	13.50	TT
19	SKN.L 0188	Hoàng Trung	Hậu	06/06/87		Thành phố Hoà Bình - Tỉnh Hòa Bình		3	2020221	202	3.50	7.00	10.50	10.50	TT
20	SKN.L 0209	Lê Thị	Hoa	16/04/86	Nữ	Huyện Ngọc Lặc - Tỉnh Thanh Hóa		3	2020207	202	6.00	9.00	15.00	15.00	TT
21	SKN.L 0218	Lưu Vũ	Hoàn	05/11/84		TP. Nam Định - Tỉnh Nam Định		3	2020206	202	0.00	0.50	.50	.50	
22	SKN.L 0222	Đào Văn	Hoàng	04/07/82		Huyện Đông Hưng - Tỉnh Thái Bình		3	2020228	202	5.25	5.75	11.00	11.00	TT

KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH - NĂM 2009
HỆ ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG - HỆ CHÍNH QUY

Ngành 202 - Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử

Trang 2

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐTC0	ĐTC	TT
23	SKN.L 0225	Phạm Mạnh	Hoàng	08/08/83		Huyện Vụ Bản - Tỉnh Nam Định		3	2020229	202	1.00	8.00	9.00	9.00	
24	SKN.L 0228	Nguyễn Thị	Hòa	12/02/86	Nữ	Huyện Đông Hưng - Tỉnh Thái Bình		3	2020374	202	8.50	6.75	15.25	15.50	TT
25	SKN.L 0239	Lê Quốc	Hội	08/02/87		Huyện Giao Thủy - Tỉnh Nam Định		3	2020385	202	9.25	8.75	18.00	18.00	TT
26	SKN.L 0251	Vũ Đình	Huy	12/08/84		TP. Nam Định - Tỉnh Nam Định	06	3	2020211	202	5.75	5.25	11.00	11.00	TT
27	SKN.L 0252	Lương Văn	Huy	17/09/85		Huyện Hải Hậu - Tỉnh Nam Định		3	2020556	202	2.25	4.50	6.75	7.00	
28	SKN.L 0269	Nguyễn Mạnh	Hùng	20/10/86		TP. Nam Định - Tỉnh Nam Định		3	2020557	202	7.00	6.00	13.00	13.00	TT
29	SKN.L 0271	Trần Việt	Hùng	24/01/87		TP. Nam Định - Tỉnh Nam Định		3	2020534	202	2.00	2.50	4.50	4.50	
30	SKN.L 0280	Hồ Quốc	Hùng	14/02/85		Huyện Tiên Hải - Tỉnh Thái Bình		3	2020233	202	7.75	6.50	14.25	14.50	TT
31	SKN.L 0281	Trần	Hùng	05/06/87		Huyện Bình Lục - Tỉnh Hà Nam		3	2020377	202	6.25	0.25	6.50	6.50	
32	SKN.L 0284	Lê Duy	Hưng	11/07/86		Huyện Đông Hưng - Tỉnh Thái Bình	06	3	2020223	202	4.75	2.50	7.25	7.50	
33	SKN.L 0295	Đoàn Thị	Hương	18/11/83	Nữ	TP. Nam Định - Tỉnh Nam Định		3	2020558	202	4.50	6.50	11.00	11.00	TT
34	SKN.L 0304	Trịnh Xuân	Kết	07/09/81		Huyện Vũ Thư - Tỉnh Thái Bình	06	3	2020555	202	1.50	4.00	5.50	5.50	
35	SKN.L 0317	Đặng Đình	Kiên	15/11/87		Huyện Mỹ Lộc - Tỉnh Nam Định	06		2020542	202	0.00	.	.0	.0	
36	SKN.L 0323	Đông Thị	Lân	22/10/87	Nữ	Huyện Thanh Hà - Tỉnh Hải Dương		3	2020546	202	7.25	8.25	15.50	15.50	TT
37	SKN.L 0334	Ngô Thùy	Linh	14/08/87	Nữ	Thành phố Phủ Lý - Tỉnh Hà Nam		3	2020376	202	7.00	4.00	11.00	11.00	TT
38	SKN.L 0339	Nguyễn Văn	Linh	12/10/87		Thị xã Sầm Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		3	2020545	202	7.25	8.00	15.25	15.50	TT
39	SKN.L 0350	Nguyễn Văn	Lộc	12/11/87		Huyện Hoàng Hoá - Tỉnh Thanh Hóa	06	3	2020208	202	7.00	9.00	16.00	16.00	TT
40	SKN.L 0355	Đình Đức	Luận	29/07/87		Huyện Bình Lục - Tỉnh Hà Nam		3	2020384	202	7.25	7.75	15.00	15.00	TT
41	SKN.L 0357	Trần Thị	Lụa	20/03/87	Nữ	Huyện Vụ Bản - Tỉnh Nam Định	04	3	2020378	202	5.00	2.50	7.50	7.50	
42	SKN.L 0366	Ngô Quang	Lục	29/10/83		Huyện Kiến Xương - Tỉnh Thái Bình		3	2020543	202	3.00	2.50	5.50	5.50	
43	SKN.L 0367	Nguyễn Văn	Lục	02/04/84		Huyện Lạng Giang - Tỉnh Bắc Giang		3	2020216	202	7.00	9.25	16.25	16.50	TT
44	SKN.L 0390	Nguyễn Hải	Nam	22/12/85		Huyện Đông Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		3	2020379	202	5.00	4.00	9.00	9.00	

KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH - NĂM 2009
HỆ ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG - HỆ CHÍNH QUY

Ngành 202 - Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử

Trang 3

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐTC0	ĐTC	TT
45	SKN.L 0411	Trần Thanh	Nghị	04/12/85		TP. Nam Định - Tỉnh Nam Định		3	2020548	202	4.75	4.00	8.75	9.00	
46	SKN.L 0423	Nguyễn Thế	Nhân	12/02/88		TP. Nam Định - Tỉnh Nam Định		3	2020538	202	7.00	8.00	15.00	15.00	TT
47	SKN.L 0425	Nguyễn Thị	Ninh	04/06/86	Nữ	Huyện Lý Nhân - Tỉnh Hà Nam		3	2020547	202	7.00	6.75	13.75	14.00	TT
48	SKN.L 0462	Phạm Hồng	Quân	26/08/84		Huyện Xuân Trường - Tỉnh Nam Định	06	3	2020212	202	5.50	7.25	12.75	13.00	TT
49	SKN.L 0470	Nguyễn Văn	Quyền	25/11/87		Huyện Hải Hậu - Tỉnh Nam Định		3	2020380	202	8.00	7.25	15.25	15.50	TT
50	SKN.L 0483	Phạm Hồng	Sơn	01/08/85		Huyện Hải Hậu - Tỉnh Nam Định		3	2020537	202	7.75	5.75	13.50	13.50	TT
51	SKN.L 0491	Trịnh Văn	Tam	20/12/82		Huyện Nghĩa Hưng - Tỉnh Nam Định		3	2020238	202	5.50	4.00	9.50	9.50	
52	SKN.L 0493	Trần Ngọc	Tám	17/03/85		Huyện Lý Nhân - Tỉnh Hà Nam	06	3	2020230	202	7.25	8.50	15.75	16.00	TT
53	SKN.L 0495	Trần Công	Tâm	08/08/84		Huyện Vụ Bản - Tỉnh Nam Định			2020236	202	0.00	.	.0	.0	
54	SKN.L 0536	Nguyễn Thị	Thêm	22/07/87	Nữ	Huyện Hậu Lộc - Tỉnh Thanh Hóa		3	2020235	202	8.25	6.25	14.50	14.50	TT
55	SKN.L 0538	Hà Trường	Thi	25/07/85		Huyện Hưng Hà - Tỉnh Thái Bình	06	3	2020239	202	4.25	5.75	10.00	10.00	TT
56	SKN.L 0541	Đình Đức	Thiện	26/01/82		Huyện Nho Quan - Tỉnh Ninh Bình	06	3	2020381	202	9.50	7.75	17.25	17.50	TT
57	SKN.L 0561	Đình Văn	Thuấn	28/04/87		Huyện ý Yên - Tỉnh Nam Định		3	2020551	202	2.75	5.00	7.75	8.00	
58	SKN.L 0578	Nguyễn Thị	Thương	10/11/85	Nữ	Huyện Nam Trực - Tỉnh Nam Định		3	2020559	202	6.75	4.50	11.25	11.50	TT
59	SKN.L 0585	Trần Xuân	Tiến	29/06/88		TP. Nam Định - Tỉnh Nam Định		3	2020386	202	5.50	9.00	14.50	14.50	TT
60	SKN.L 0606	Trần Văn	Toán	30/09/85		Huyện Giao Thủy - Tỉnh Nam Định		3	2020388	202	5.00	6.00	11.00	11.00	TT
61	SKN.L 0609	Lưu Văn	Toàn	26/09/87		Huyện Gia Bình - Tỉnh Bắc Ninh		3	2020387	202	4.00	6.75	10.75	11.00	TT
62	SKN.L 0619	Lê Thị	Trang	10/03/86	Nữ	Huyện Đông Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		3	2020210	202	6.00	5.75	11.75	12.00	TT
63	SKN.L 0629	Nguyễn Văn	Trình	01/04/87		Huyện Mai Sơn - Tỉnh Sơn La		3	2020540	202	5.00	6.75	11.75	12.00	TT
64	SKN.L 0633	Nguyễn Đức	Trọng	02/04/86		Huyện Vũ Thư - Tỉnh Thái Bình		3	2020227	202	4.25	6.00	10.25	10.50	TT
65	SKN.L 0639	Đỗ Thành	Trung	02/04/83		Huyện Nam Trực - Tỉnh Nam Định	06	3	2020553	202	5.00	6.00	11.00	11.00	TT
66	SKN.L 0663	Nguyễn Tá	Tuấn	25/08/82		Huyện Tứ Kỳ - Tỉnh Hải Dương		3	2020541	202	4.00	2.75	6.75	7.00	

KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH - NĂM 2009
HỆ ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG - HỆ CHÍNH QUY

Ngành 202 - Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử

Trang 4

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐTC0	ĐTC	TT
67	SKN.L 0668	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	28/11/88	Nữ	Thành phố Thái Bình - Tỉnh Thái Bình		3	2020382	202	2.50	0.75	3.25	3.50	
68	SKN.L 0680	Nguyễn Trung	Tư	16/10/86		Huyện Vũ Thư - Tỉnh Thái Bình		3	2020549	202	2.00	4.25	6.25	6.50	
69	SKN.L 0687	Phạm Văn	Tý	12/10/86		Huyện Hậu Lộc - Tỉnh Thanh Hóa		3	2020214	202	5.75	8.00	13.75	14.00	TT
70	SKN.L 0710	Trần Sách	Vượng	09/02/83		Huyện Vũ Thư - Tỉnh Thái Bình		3	2020213	202	0.00	0.00	.0	.0	

Cộng ngành 202 : 70 thí sinh

CHỦ TỊCH HĐTS 2009
HIỆU TRƯỞNG

TS. Phan Sỹ Nghĩa

KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH - NĂM 2009
HỆ ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG - HỆ CHÍNH QUY

Ngành 203 - Công nghệ Kỹ thuật điện

Trang 5

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐTC0	ĐTC	TT
1	SKN.L 0002	Hồ Văn An	10/09/83		Huyện Tĩnh Gia - Tỉnh Thanh Hóa		3	2030522	203	6.50	9.50	16.00	16.00	TT
2	SKN.L 0004	Trần Văn An	06/04/87		Huyện Giao Thủy - Tỉnh Nam Định		3	2030460	203	4.25	6.50	10.75	11.00	TT
3	SKN.L 0011	Đào Thế Anh	01/01/83		Huyện Vụ Bản - Tỉnh Nam Định		3	2030134	203	7.25	9.25	16.50	16.50	TT
4	SKN.L 0017	Nguyễn Xuân Bá	20/03/85		Huyện Hậu Lộc - Tỉnh Thanh Hóa		3	2030489	203	5.00	3.00	8.00	8.00	
5	SKN.L 0018	Đình Văn Bách	16/11/87		Huyện Kiến Xương - Tỉnh Thái Bình	06	3	2030518	203	7.50	6.50	14.00	14.00	TT
6	SKN.L 0023	Trần Bá Biên	02/04/86		Huyện Lý Nhân - Tỉnh Hà Nam		3	2030472	203	5.50	6.75	12.25	12.50	TT
7	SKN.L 0025	Phạm Thị Ngọc Bích	17/08/87	Nữ	Huyện Yên Khánh - Tỉnh Ninh Bình	06	3	2030455	203	9.50	9.75	19.25	19.50	TT
8	SKN.L 0033	Vũ Đức Cảnh	04/06/87		Huyện Kiến Xương - Tỉnh Thái Bình		3	2030453	203	7.25	7.00	14.25	14.50	TT
9	SKN.L 0051	Bùi Văn Chúc	19/09/87		Huyện Giao Thủy - Tỉnh Nam Định		3	2030486	203	7.25	8.00	15.25	15.50	TT
10	SKN.L 0057	Trần Văn Cường	09/02/86		Huyện Kim Sơn - Tỉnh Ninh Bình		3	2030133	203	8.25	6.50	14.75	15.00	TT
11	SKN.L 0077	Nguyễn Thị Dị	04/10/86	Nữ	Huyện Hưng Hà - Tỉnh Thái Bình		3	2030141	203	8.50	10.0	18.50	18.50	TT
12	SKN.L 0080	Phạm Văn Du	16/01/88		Huyện Trực Ninh - Tỉnh Nam Định		3	2030483	203	4.00	6.25	10.25	10.50	TT
13	SKN.L 0087	Đình Văn Duy	02/05/85		Huyện Giao Thủy - Tỉnh Nam Định		3	2030528	203	7.00	8.75	15.75	16.00	TT
14	SKN.L 0088	Đỗ Văn Duy	12/08/87		Huyện Nam Trực - Tỉnh Nam Định		3	2030110	203	6.50	5.75	12.25	12.50	TT
15	SKN.L 0102	Nguyễn Đức Dũng	23/07/87		Huyện Giao Thủy - Tỉnh Nam Định		3	2030461	203	6.25	6.25	12.50	12.50	TT
16	SKN.L 0127	Trần Văn Đính	01/09/85		Huyện Giao Thủy - Tỉnh Nam Định		3	2030471	203	0.25	5.75	6.00	6.00	
17	SKN.L 0133	Phạm Văn Đông	26/12/87		Huyện Trực Ninh - Tỉnh Nam Định		3	2030103	203	5.75	7.00	12.75	13.00	TT
18	SKN.L 0134	Nguyễn Văn Đông	20/08/84		Huyện Nghĩa Hưng - Tỉnh Nam Định		3	2030480	203	4.25	6.25	10.50	10.50	TT
19	SKN.L 0136	Lê Văn Đông	09/01/87		Huyện ý Yên - Tỉnh Nam Định		3	2030473	203	8.00	7.75	15.75	16.00	TT
20	SKN.L 0143	Trần Duy Đức	10/06/86		TP. Nam Định - Tỉnh Nam Định		3	2030142	203	8.00	10.0	18.00	18.00	TT
21	SKN.L 0144	Nguyễn Trọng Giang	10/11/86		Huyện Lý Nhân - Tỉnh Hà Nam		3	2030505	203	6.00	5.25	11.25	11.50	TT
22	SKN.L 0150	Lê Thanh Giang	03/12/86		Huyện Hà Trung - Tỉnh Thanh Hóa		3	2030502	203	5.25	4.75	10.00	10.00	TT

KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH - NĂM 2009
HỆ ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG - HỆ CHÍNH QUY

Ngành 203 - Công nghệ Kỹ thuật điện

Trang 6

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐTC0	ĐTC	TT
23	SKN.L 0173	Nguyễn Đình	Hải	15/10/84		Huyện Thanh Ba - Tỉnh Phú Thọ		3	2030484	203	4.00	4.25	8.25	8.50	
24	SKN.L 0174	Trần Xuân	Hải	03/09/85		TP. Nam Định - Tỉnh Nam Định		3	2030138	203	2.75	5.00	7.75	8.00	
25	SKN.L 0177	Lê Phú	Hải	10/09/85		Huyện Hoàng Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		3	2030120	203	9.00	7.50	16.50	16.50	TT
26	SKN.L 0180	Nguyễn Đức	Hạnh	26/10/84		TP. Nam Định - Tỉnh Nam Định		3	2030462	203	5.00	5.00	10.00	10.00	TT
27	SKN.L 0186	Trần Văn	Hậu	24/10/81		Huyện Hải Hậu - Tỉnh Nam Định		3	2030498	203	3.50	5.75	9.25	9.50	
28	SKN.L 0187	Nguyễn Thị	Hậu	27/07/85	Nữ	Huyện Than Uyên - Tỉnh Lai Châu		3	2030496	203	2.25	1.75	4.00	4.00	
29	SKN.L 0195	Nguyễn Thị	Hiếu	25/01/87	Nữ	Huyện Thanh Liêm - Tỉnh Hà Nam		3	2030507	203	5.25	4.50	9.75	10.00	TT
30	SKN.L 0198	Tạ Vũ	Hiệp	15/04/80		TP. Nam Định - Tỉnh Nam Định			2030129	203	0.25	.	.25	.50	
31	SKN.L 0203	Lã Xuân	Hiệu	26/08/87		Huyện Bình Lục - Tỉnh Hà Nam		3	2030112	203	9.00	9.75	18.75	19.00	TT
32	SKN.L 0205	Trần Công	Hiệu	03/03/87		Huyện Giao Thủy - Tỉnh Nam Định		3	2030511	203	5.50	6.75	12.25	12.50	TT
33	SKN.L 0206	Vũ Trọng	Hình	28/10/85		Huyện Giao Thủy - Tỉnh Nam Định		3	2030495	203	5.75	7.25	13.00	13.00	TT
34	SKN.L 0221	Nguyễn Quang	Hoàng	13/01/87		TP. Nam Định - Tỉnh Nam Định		3	2030128	203	8.75	9.25	18.00	18.00	TT
35	SKN.L 0224	Hà Khánh	Hoàng	08/06/86		Huyện Hạ Hoà - Tỉnh Phú Thọ		3	2030456	203	7.50	9.00	16.50	16.50	TT
36	SKN.L 0226	Vũ Huy	Hoàng	15/11/82		TP. Nam Định - Tỉnh Nam Định		3	2030467	203	3.50	6.00	9.50	9.50	
37	SKN.L 0232	Nguyễn Thị Thu	Hòa	20/08/81	Nữ	Huyện ý Yên - Tỉnh Nam Định		3	2030104	203	1.00	6.50	7.50	7.50	
38	SKN.L 0241	Vũ Thị	Huê	15/11/86	Nữ	Huyện Xuân Trường - Tỉnh Nam Định		3	2030452	203	7.25	9.75	17.00	17.00	TT
39	SKN.L 0244	Nguyễn Thị	Huê	10/10/87	Nữ	Huyện Bình Lục - Tỉnh Hà Nam		3	2030501	203	3.75	6.00	9.75	10.00	TT
40	SKN.L 0247	Đình Ngọc	Huy	28/09/88		TP. Nam Định - Tỉnh Nam Định		3	2030487	203	5.00	5.25	10.25	10.50	TT
41	SKN.L 0270	Trần Xuân	Hùng	17/07/86		Thị xã Bỉm Sơn - Tỉnh Thanh Hóa	04	3	2030469	203	7.00	7.75	14.75	15.00	TT
42	SKN.L 0273	Lê Văn	Hùng	28/09/87		Huyện Thanh Liêm - Tỉnh Hà Nam	06	3	2030510	203	8.00	7.75	15.75	16.00	TT
43	SKN.L 0285	Phạm Tiến	Hưng	06/09/83		Thành phố Ninh Bình - Tỉnh Ninh Bình		3	2030125	203	4.00	3.50	7.50	7.50	
44	SKN.L 0293	Hoàng Thị Thu	Hương	16/07/87	Nữ	TP. Nam Định - Tỉnh Nam Định		3	2030520	203	4.25	2.50	6.75	7.00	

KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH - NĂM 2009
HỆ ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG - HỆ CHÍNH QUY

Ngành 203 - Công nghệ Kỹ thuật điện

Trang 7

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐTC0	ĐTC	TT
45	SKN.L 0298	Trần Văn	Hướng	07/06/87		Huyện Giao Thủy - Tỉnh Nam Định		3	2030481	203	7.25	8.75	16.00	16.00	TT
46	SKN.L 0306	Nguyễn Văn	Khả	26/01/87		Huyện Mỹ Lộc - Tỉnh Nam Định		3	2030115	203	6.00	7.25	13.25	13.50	TT
47	SKN.L 0307	Lê Văn	Khải	10/09/87		Huyện Hải Hậu - Tỉnh Nam Định		3	2030488	203	5.00	5.50	10.50	10.50	TT
48	SKN.L 0311	Trần Đăng	Khoa	16/06/87		Huyện Tiên Hải - Tỉnh Thái Bình		3	2030732	203	5.00	4.50	9.50	9.50	
49	SKN.L 0327	Phạm Văn	Liên	06/02/88		Huyện Xuân Trường - Tỉnh Nam Định		3	2030457	203	5.50	7.50	13.00	13.00	TT
50	SKN.L 0343	Đỗ Thị	Loan	19/10/87	Nữ	Huyện Kim Bảng - Tỉnh Hà Nam		3	2030111	203	8.00	7.25	15.25	15.50	TT
51	SKN.L 0346	Hà Thế	Long	11/07/87		Huyện ý Yên - Tỉnh Nam Định		3	2030532	203	7.25	7.50	14.75	15.00	TT
52	SKN.L 0354	Đào Đăng	Luân	20/01/86		Huyện Gia Viễn - Tỉnh Ninh Bình		3	2030466	203	8.75	6.75	15.50	15.50	TT
53	SKN.L 0358	Nguyễn Thị Hồng	Lụa	01/07/87	Nữ	Huyện Xuân Trường - Tỉnh Nam Định		3	2030514	203	6.75	8.00	14.75	15.00	TT
54	SKN.L 0359	Vũ Thị	Lương	24/04/86	Nữ	Huyện Trực Ninh - Tỉnh Nam Định		3	2030109	203	6.75	8.25	15.00	15.00	TT
55	SKN.L 0372	Trương Xuân	Mão	15/10/87		Huyện Yên Mô - Tỉnh Ninh Bình		3	2030106	203	8.75	9.25	18.00	18.00	TT
56	SKN.L 0380	Nguyễn Thị	Mẫn	29/07/85	Nữ	Huyện Hưng Hà - Tỉnh Thái Bình		3	2030137	203	9.00	9.25	18.25	18.50	TT
57	SKN.L 0381	Vũ Văn	Minh	28/03/86		Huyện Hải Hậu - Tỉnh Nam Định		3	2030512	203	9.00	6.25	15.25	15.50	TT
58	SKN.L 0394	Đỗ Thành	Nam	27/07/86		Huyện Hải Hậu - Tỉnh Nam Định		3	2030529	203	5.50	4.00	9.50	9.50	
59	SKN.L 0416	Phạm Bích	Ngọc	12/07/82	Nữ	Huyện Hưng Hà - Tỉnh Thái Bình		3	2030475	203	7.50	7.25	14.75	15.00	TT
60	SKN.L 0419	Nguyễn Khánh	Nguyên	18/07/86		Huyện Vũ Thư - Tỉnh Thái Bình		3	2030105	203	7.75	6.75	14.50	14.50	TT
61	SKN.L 0420	Trần Thị	Nhân	25/02/86	Nữ	Huyện Bình Lục - Tỉnh Hà Nam		3	2030485	203	8.25	8.75	17.00	17.00	TT
62	SKN.L 0422	Đặng Thị	Nhân	12/10/86	Nữ	Huyện Tiên Hải - Tỉnh Thái Bình		3	2030135	203	7.25	7.75	15.00	15.00	TT
63	SKN.L 0433	Hồ Thị Minh	Phúc	12/06/87	Nữ	Thị xã Phúc Yên - Tỉnh Vĩnh Phúc		3	2030493	203	9.00	9.25	18.25	18.50	TT
64	SKN.L 0435	Trần Duy	Phương	20/12/87		Thành phố Thái Bình - Tỉnh Thái Bình		3	2030499	203	3.75	4.00	7.75	8.00	
65	SKN.L 0451	Trần Ngọc	Quang	24/03/86		TP. Nam Định - Tỉnh Nam Định		3	2030531	203	4.25	4.00	8.25	8.50	
66	SKN.L 0460	Trương Minh	Quân	16/04/88		Huyện Kim Bảng - Tỉnh Hà Nam		3	2030508	203	4.25	8.75	13.00	13.00	TT

KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH - NĂM 2009
HỆ ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG - HỆ CHÍNH QUY

Ngành 203 - Công nghệ Kỹ thuật điện

Trang 8

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐTC0	ĐTC	TT
67	SKN.L 0463	Đình Hồng	Quốc	18/01/86		Huyện Duy Tiên - Tỉnh Hà Nam		3	2030477	203	6.75	7.00	13.75	14.00	TT
68	SKN.L 0481	Nguyễn Thị Thúy	Sơn	20/02/83	Nữ	Thành phố Ninh Bình - Tỉnh Ninh Bình	06	3	2030465	203	6.00	6.75	12.75	13.00	TT
69	SKN.L 0484	Vũ Văn	Sơn	15/06/81		TP. Nam Định - Tỉnh Nam Định		3	2030119	203	5.75	6.50	12.25	12.50	TT
70	SKN.L 0487	Vũ Trọng	Sơn	16/10/85		Huyện Vũ Thư - Tỉnh Thái Bình		3	2030459	203	5.25	5.75	11.00	11.00	TT
71	SKN.L 0494	Hoàng Tuấn	Tài	03/09/87		Huyện Kiến Xương - Tỉnh Thái Bình		3	2030509	203	8.00	9.75	17.75	18.00	TT
72	SKN.L 0497	Chu Mạnh	Tân	12/01/84		Huyện Lạng Giang - Tỉnh Bắc Giang		3	2030482	203	6.00	7.50	13.50	13.50	TT
73	SKN.L 0498	Chu Hồng	Tân	09/05/87		Huyện Duy Tiên - Tỉnh Hà Nam		3	2030491	203	8.00	9.00	17.00	17.00	TT
74	SKN.L 0506	Phạm Huyền	Thanh	27/02/87	Nữ	Huyện Yên Khánh - Tỉnh Ninh Bình		3	2030515	203	5.50	9.50	15.00	15.00	TT
75	SKN.L 0507	Đào Văn	Thao	04/03/81		Huyện Quỳnh Phụ - Tỉnh Thái Bình		3	2030517	203	3.00	0.50	3.50	3.50	
76	SKN.L 0508	Trần Phong	Thái	17/01/86		Huyện Lý Nhân - Tỉnh Hà Nam		3	2030478	203	6.25	8.50	14.75	15.00	TT
77	SKN.L 0510	Nguyễn Ngọc	Thái	11/07/86		TP. Nam Định - Tỉnh Nam Định		3	2030479	203	8.00	7.00	15.00	15.00	TT
78	SKN.L 0511	Đình Văn	Thành	29/03/85		Huyện Lý Nhân - Tỉnh Hà Nam		3	2030458	203	6.75	8.50	15.25	15.50	TT
79	SKN.L 0513	Đoàn Văn	Thành	20/09/84		Huyện Nam Trực - Tỉnh Nam Định		3	2030127	203	7.00	8.75	15.75	16.00	TT
80	SKN.L 0514	Lê Thị	Thành	15/06/86	Nữ	Huyện Đông Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		3	2030492	203	9.00	9.75	18.75	19.00	TT
81	SKN.L 0518	Đặng Tất	Thành	06/08/81		Huyện Xuân Trường - Tỉnh Nam Định		3	2030464	203	3.00	0.75	3.75	4.00	
82	SKN.L 0521	Trịnh Văn	Thảo	08/07/85		Huyện Giao Thủy - Tỉnh Nam Định		3	2030497	203	6.75	6.25	13.00	13.00	TT
83	SKN.L 0528	Vũ Ngọc	Thắng	01/11/87		TP. Nam Định - Tỉnh Nam Định	06	3	2030474	203	5.00	6.75	11.75	12.00	TT
84	SKN.L 0530	Phạm Đức	Thắng	21/05/85		Huyện Yên Bình - Tỉnh Yên Bái		3	2030123	203	8.25	5.25	13.50	13.50	TT
85	SKN.L 0545	Phạm Đức	Thịnh	14/03/84		Huyện Lạc Sơn - Tỉnh Hòa Bình		3	2030116	203	7.00	7.50	14.50	14.50	TT
86	SKN.L 0547	Vũ Phùng	Thoan	12/01/84		Huyện Vụ Bản - Tỉnh Nam Định		3	2030521	203	5.25	5.25	10.50	10.50	TT
87	SKN.L 0548	Nguyễn Thị	Thoan	14/11/86	Nữ	Huyện Quỳnh Phụ - Tỉnh Thái Bình		3	2030500	203	7.50	9.50	17.00	17.00	TT
88	SKN.L 0580	Nguyễn Mạnh	Thường	04/08/84		TP. Nam Định - Tỉnh Nam Định		3	2030124	203	7.25	6.00	13.25	13.50	TT

KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH - NĂM 2009
HỆ ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG - HỆ CHÍNH QUY

Ngành 203 - Công nghệ Kỹ thuật điện

Trang 9

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐTC0	ĐTC	TT
89	SKN.L 0583	Vũ Văn Thúc	09/01/83		Huyện Vũ Thư - Tỉnh Thái Bình		3	2030131	203	8.00	9.50	17.50	17.50	TT
90	SKN.L 0590	Lê Minh Tiến	20/03/87		Thị xã Tam Điệp - Tỉnh Ninh Bình		3	2030118	203	9.75	9.50	19.25	19.50	TT
91	SKN.L 0601	Hồ Anh Tính	12/09/87		Thành phố Thanh Hoá - Tỉnh Thanh		3	2030519	203	4.25	5.25	9.50	9.50	
92	SKN.L 0608	Vũ Đức Toàn	10/04/87		Huyện Trực Ninh - Tỉnh Nam Định	06	3	2030470	203	7.00	9.75	16.75	17.00	TT
93	SKN.L 0612	Trần Quốc Toàn	07/03/88		Huyện Kiến Xương - Tỉnh Thái Bình	06	3	2030504	203	7.00	7.00	14.00	14.00	TT
94	SKN.L 0617	Hoàng Thị Huyền	10/10/87	Nữ	Thị xã Phúc Yên - Tỉnh Vĩnh Phúc		3	2030454	203	8.75	10.0	18.75	19.00	TT
95	SKN.L 0622	Nguyễn Thị Trang	01/05/86	Nữ	Huyện Kim Bảng - Tỉnh Hà Nam		3	2030524	203	9.50	9.50	19.00	19.00	TT
96	SKN.L 0624	Trần Thị Thu	04/10/86	Nữ	TP. Nam Định - Tỉnh Nam Định		3	2030140	203	9.25	10.0	19.25	19.50	TT
97	SKN.L 0642	Trần Văn Trung	14/11/85		Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa		3	2030102	203	9.00	9.50	18.50	18.50	TT
98	SKN.L 0647	Phan Văn Trường	08/02/85		Huyện Xuân Trường - Tỉnh Nam Định	04	3	2030136	203	7.75	9.00	16.75	17.00	TT
99	SKN.L 0651	Vũ Minh Tuấn	17/03/85		Huyện ý Yên - Tỉnh Nam Định		3	2030503	203	7.25	6.75	14.00	14.00	TT
100	SKN.L 0660	Đỗ Đức Tuấn	24/01/87		Huyện Giao Thủy - Tỉnh Nam Định		3	2030113	203	1.50	5.75	7.25	7.50	
101	SKN.L 0662	Trần Sỹ Tuấn	04/08/86		TP. Nam Định - Tỉnh Nam Định		3	2030107	203	6.00	7.50	13.50	13.50	TT
102	SKN.L 0664	Đỗ Mạnh Tuấn	12/03/87		TP. Nam Định - Tỉnh Nam Định		3	2030108	203	3.50	6.00	9.50	9.50	
103	SKN.L 0665	Trần Văn Tuấn	28/02/87		Huyện Vụ Bản - Tỉnh Nam Định		3	2030506	203	6.75	7.50	14.25	14.50	TT
104	SKN.L 0675	Vũ Hồng Thanh Tú	02/11/83		Huyện Vũ Thư - Tỉnh Thái Bình		3	2030730	203	9.25	8.25	17.50	17.50	TT
105	SKN.L 0689	Lê Thị Vân	01/10/87	Nữ	Huyện Vũ Thư - Tỉnh Thái Bình		3	2030126	203	6.75	7.50	14.25	14.50	TT
106	SKN.L 0690	Đỗ Thị Thanh Vân	19/07/87	Nữ	TP. Nam Định - Tỉnh Nam Định		3	2030533	203	8.50	8.75	17.25	17.50	TT
107	SKN.L 0692	Nguyễn Thị Thùy Vân	07/12/87	Nữ	Huyện Kim Bảng - Tỉnh Hà Nam		3	2030530	203	7.75	7.25	15.00	15.00	TT
108	SKN.L 0696	Nguyễn Anh Vinh	13/01/86		Huyện Đức Trọng - Tỉnh Lâm Đồng		3	2030516	203	2.25	9.00	11.25	11.50	TT
109	SKN.L 0699	Vũ Đức Vinh	03/02/86		Huyện Vụ Bản - Tỉnh Nam Định		3	2030476	203	6.25	9.00	15.25	15.50	TT
110	SKN.L 0705	Hoàng Thành Võ	29/06/87		Huyện Kim Sơn - Tỉnh Ninh Bình		3	2030527	203	7.50	6.50	14.00	14.00	TT

KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH - NĂM 2009
HỆ ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG - HỆ CHÍNH QUY

Ngành 203 - Công nghệ Kỹ thuật điện

Trang 10

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐTC0	ĐTC	TT
111	SKN.L 0708	Chu Văn Vương	10/11/86		Huyện Mỹ Lộc - Tỉnh Nam Định	06	3	2030463	203	5.25	5.75	11.00	11.00	TT

Cộng ngành 203 : 111 thí sinh

CHỦ TỊCH HĐTS 2009
HIỆU TRƯỞNG

TS. Phan Sỹ Nghĩa

KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH - NĂM 2009
HỆ ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG - HỆ CHÍNH QUY

Ngành 204 - Công nghệ Tự động

Trang 11

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐTC0	ĐTC	TT
1	SKN.L 0016	Lê Văn	Ba	05/06/87		Huyện Xuân Trường - Tỉnh Nam Định		3	2040145	204	9.00	9.50	18.50	18.50	TT
2	SKN.L 0032	Lương Văn	Cảnh	08/03/87		Huyện Kiến Xương - Tỉnh Thái Bình		3	2040373	204	7.25	9.50	16.75	17.00	TT
3	SKN.L 0035	Lại Thế	Cân	01/06/87		Huyện Hải Hậu - Tỉnh Nam Định	06	3	2040575	204	7.75	8.25	16.00	16.00	TT
4	SKN.L 0047	Trương Đức	Chung	05/09/86		Huyện Vũ Thư - Tỉnh Thái Bình		3	2040163	204	7.25	9.00	16.25	16.50	TT
5	SKN.L 0048	Lâm Văn	Chung	17/11/83		Huyện Tam Đảo - Tỉnh Vĩnh Phúc	01	3	2040568	204	3.75	7.50	11.25	11.50	TT
6	SKN.L 0076	Đình Quang	Dần	10/01/86		Huyện Bình Lục - Tỉnh Hà Nam	06	3	2040165	204	9.00	9.25	18.25	18.50	TT
7	SKN.L 0111	Phan Thanh	Dương	01/01/81		TP. Nam Định - Tỉnh Nam Định		3	2040735	204	5.00	5.75	10.75	11.00	TT
8	SKN.L 0116	Trần Đức	Đạt	07/02/85		TP. Nam Định - Tỉnh Nam Định		3	2040158	204	8.75	9.50	18.25	18.50	TT
9	SKN.L 0118	Nguyễn Thành	Đạt	27/08/82		TP. Nam Định - Tỉnh Nam Định		3	2040170	204	9.25	9.00	18.25	18.50	TT
10	SKN.L 0123	Trần Xuân	Điệp	05/08/86		Huyện Mỹ Lộc - Tỉnh Nam Định		3	2040148	204	2.25	9.50	11.75	12.00	TT
11	SKN.L 0149	Trần Đức	Giang	23/01/87		Huyện Mỹ Lộc - Tỉnh Nam Định		3	2040154	204	7.00	9.00	16.00	16.00	TT
12	SKN.L 0151	Nguyễn Đức	Giang	24/10/83		Huyện Duy Tiên - Tỉnh Hà Nam		3	2040361	204	6.00	5.25	11.25	11.50	TT
13	SKN.L 0179	Nguyễn Thị	Hạnh	02/03/88	Nữ	Huyện ý Yên - Tỉnh Nam Định		3	2040572	204	8.25	9.50	17.75	18.00	TT
14	SKN.L 0190	Trần Thị Thu	Hằng	20/04/87	Nữ	Huyện Gia Viễn - Tỉnh Ninh Bình		3	2040149	204	9.50	9.75	19.25	19.50	TT
15	SKN.L 0191	Hoàng Thị Minh	Hằng	25/06/85	Nữ	TP. Nam Định - Tỉnh Nam Định		3	2040159	204	7.75	9.00	16.75	17.00	TT
16	SKN.L 0192	Đỗ Thị Thúy	Hằng	25/03/87	Nữ	Huyện Bình Lục - Tỉnh Hà Nam		3	2040164	204	9.50	8.50	18.00	18.00	TT
17	SKN.L 0197	Lại Văn	Hiệp	16/12/84		TP. Nam Định - Tỉnh Nam Định		3	2040368	204	4.50	8.25	12.75	13.00	TT
18	SKN.L 0201	Lê Trần	Hiệp	01/03/87		Huyện Thanh Liêm - Tỉnh Hà Nam		3	2040153	204	9.50	9.25	18.75	19.00	TT
19	SKN.L 0267	Lưu Mạnh	Hùng	24/09/84		Huyện Duy Tiên - Tỉnh Hà Nam		3	2040155	204	6.25	7.00	13.25	13.50	TT
20	SKN.L 0282	Phạm Anh	Hùng	26/01/87		Thị xã Bỉm Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		3	2040167	204	5.75	8.50	14.25	14.50	TT
21	SKN.L 0290	Nguyễn Thế	Hung	29/11/87		Huyện Quỳnh Phụ - Tỉnh Thái Bình		3	2040567	204	5.25	8.25	13.50	13.50	TT
22	SKN.L 0314	Nguyễn Văn	Khương	25/02/87		Huyện Giao Thủy - Tỉnh Nam Định		3	2040146	204	6.00	8.75	14.75	15.00	TT

KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH - NĂM 2009
HỆ ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG - HỆ CHÍNH QUY

Ngành 204 - Công nghệ Tự động

Trang 12

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐTC0	ĐTC	TT
23	SKN.L 0328	Lê Kim	Kiên	24/05/80		Huyện Triệu Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		3	2040168	204	4.50	9.50	14.00	14.00	TT
24	SKN.L 0330	Đỗ Thị	Liên	01/10/87	Nữ	Huyện Khoái Châu - Tỉnh Hưng Yên		3	2040562	204	9.00	9.75	18.75	19.00	TT
25	SKN.L 0336	Vũ Thị Tố	Linh	17/08/87	Nữ	TP. Nam Định - Tỉnh Nam Định		3	2040574	204	8.75	9.50	18.25	18.50	TT
26	SKN.L 0347	Nguyễn Văn	Long	29/06/86		Huyện Yên Khánh - Tỉnh Ninh Bình		3	2040359	204	3.75	9.50	13.25	13.50	TT
27	SKN.L 0363	Phạm Đình	Lượng	12/07/87		Huyện Nông Cống - Tỉnh Thanh Hóa		3	2040578	204	3.50	3.25	6.75	7.00	
28	SKN.L 0393	Phạm Xuân	Nam	04/02/87		Huyện Hải Hậu - Tỉnh Nam Định		3	2040566	204	9.00	9.25	18.25	18.50	TT
29	SKN.L 0398	Nguyễn Thành	Năm	05/12/86		Huyện Hải Hậu - Tỉnh Nam Định		3	2040367	204	9.50	9.25	18.75	19.00	TT
30	SKN.L 0407	Đỗ Thị	Ngân	14/07/86	Nữ	Huyện Giao Thủy - Tỉnh Nam Định		3	2040363	204	7.75	8.75	16.50	16.50	TT
31	SKN.L 0424	Nguyễn Thị	Nhung	02/07/87	Nữ	Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa		3	2040563	204	9.25	8.25	17.50	17.50	TT
32	SKN.L 0426	Trần Hữu	Ninh	10/04/86		Huyện Mỹ Lộc - Tỉnh Nam Định	06	3	2040371	204	6.25	8.25	14.50	14.50	TT
33	SKN.L 0429	Vũ Thị	Oanh	02/04/87	Nữ	Huyện Vụ Bản - Tỉnh Nam Định	06	3	2040161	204	4.25	7.50	11.75	12.00	TT
34	SKN.L 0442	Trịnh Thị	Phương	15/04/86	Nữ	Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa	06	3	2040364	204	5.50	8.25	13.75	14.00	TT
35	SKN.L 0448	Tống Thị	Phượng	04/11/85	Nữ	Huyện Hoa Lư - Tỉnh Ninh Bình		3	2040369	204	5.75	6.00	11.75	12.00	TT
36	SKN.L 0501	Phạm Xuân	Tăng	01/06/84		Huyện Nam Trực - Tỉnh Nam Định		3	2040147	204	9.25	9.50	18.75	19.00	TT
37	SKN.L 0523	Nguyễn Thị Phương	Thảo	05/06/82	Nữ	Huyện Kim Động - Tỉnh Hưng Yên	04	3	2040569	204	3.00	6.25	9.25	9.50	TT
38	SKN.L 0532	Nguyễn Như	Thắng	19/09/86		Huyện Hoằng Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		3	2040564	204	8.00	9.50	17.50	17.50	TT
39	SKN.L 0544	Trần Tiến	Thịnh	29/12/86		Huyện Lý Nhân - Tỉnh Hà Nam		3	2040365	204	7.00	9.00	16.00	16.00	TT
40	SKN.L 0550	Phạm Văn	Thông	02/02/86		Huyện Nghĩa Hưng - Tỉnh Nam Định		3	2040366	204	5.50	7.75	13.25	13.50	TT
41	SKN.L 0553	Nguyễn Thị	Thu	14/10/86	Nữ	Huyện Thái Thụy - Tỉnh Thái Bình		3	2040156	204	8.50	8.50	17.00	17.00	TT
42	SKN.L 0554	Nguyễn Thị	Thu	03/10/87	Nữ	Huyện Thuận Thành - Tỉnh Bắc Ninh		3	2040144	204	8.75	9.00	17.75	18.00	TT
43	SKN.L 0582	Nguyễn Văn	Thượng	22/10/85		Huyện Vũ Thư - Tỉnh Thái Bình		3	2040358	204	2.75	5.00	7.75	8.00	
44	SKN.L 0600	Nguyễn Văn	Tính	11/01/85		Thành phố Thái Bình - Tỉnh Thái Bình		3	2040160	204	3.50	2.75	6.25	6.50	

KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH - NĂM 2009
HỆ ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG - HỆ CHÍNH QUY

Ngành 204 - Công nghệ Tự động

Trang 13

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐTC0	ĐTC	TT
45	SKN.L 0603	Trần Văn	Tĩnh	01/06/86		Huyện Tiền Hải - Tỉnh Thái Bình		3	2040573	204	6.25	8.50	14.75	15.00	TT
46	SKN.L 0605	Đào Tiến	Toanh	26/06/89		Huyện ý Yên - Tỉnh Nam Định		3	2040150	204	7.50	9.50	17.00	17.00	TT
47	SKN.L 0610	Phạm Đức	Toàn	31/05/86		Huyện Thái Thụy - Tỉnh Thái Bình	06	3	2040166	204	6.75	8.50	15.25	15.50	TT
48	SKN.L 0635	Bùi Quang	Trung	08/09/85		TP. Nam Định - Tỉnh Nam Định		3	2040360	204	0.00	0.00	. 0	. 0	
49	SKN.L 0637	Bùi Kiên	Trung	25/11/83		TP. Nam Định - Tỉnh Nam Định		3	2040565	204	8.75	7.75	16.50	16.50	TT
50	SKN.L 0674	Nguyễn Doãn	Tú	07/05/84		Huyện Thiệu Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		3	2040571	204	6.75	9.50	16.25	16.50	TT
51	SKN.L 0685	Nguyễn Như	Tường	27/07/84		Huyện Quỳnh Phụ - Tỉnh Thái Bình		3	2040151	204	7.75	8.25	16.00	16.00	TT
52	SKN.L 0694	Trần Xuân	Việt	10/07/87		TP. Nam Định - Tỉnh Nam Định		3	2040370	204	8.00	9.00	17.00	17.00	TT
53	SKN.L 0698	Nguyễn Thành	Vinh	26/05/75		TP. Nam Định - Tỉnh Nam Định		3	2040157	204	1.00	5.25	6.25	6.50	

Cộng ngành 204 : 53 thí sinh

CHỦ TỊCH HĐTS 2009
HIỆU TRƯỞNG

TS. Phan Sỹ Nghĩa